

Số: 41/2020/QĐST-HNGĐ

Quang Bình, ngày 30 tháng 6 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ Hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 40/2020/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 6 năm 2020 về việc khởi kiện ly hôn, giữa:

- Nguyên đơn: Chị Xiém Mùi M, sinh năm: 1996; nơi ĐKKHKT: Thôn Th, xã T, huyện Q, tỉnh Hà Giang; nơi ở hiện nay: Thôn X, xã T, huyện Q, tỉnh Hà Giang.

- Bị đơn: Anh Triệu Láo P, sinh năm: 1989; nơi cư trú: Thôn Th, xã T, huyện Q, tỉnh Hà Giang.

Căn cứ vào khoản 3, 4 Điều 147, khoản 1, 2 Điều 212, khoản 1 Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các điều 51, 55, 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 6, khoản 7 Điều 26, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 22/6/2020.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 22/6/2020 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Chị Xiém Mùi M và anh Triệu Láo P.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

a. Về quan hệ hôn nhân: Chị Xiém Mùi M và anh Triệu Láo P tự nguyện thuận tình ly hôn.

b. Về con: Anh Triệu Láo P trực tiếp nuôi dưỡng cháu Triệu Vàn S, sinh ngày 01/11/2014; chị Xiém Mùi M không phải cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom con mà không ai được cản trở.

c. Về tài sản, công nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

d. Về án phí: Chị Xiém Mùi M chịu án phí dân sự sơ thẩm (ly hôn) là 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng), được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ

phí Toà án số 03519 ngày 11/6/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Q, tỉnh Hà Giang. Chị M được hoàn trả lại số tiền chênh lệch là 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng).

Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, Điều 7, Điều 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự. Ngoài ra, người có quyền lợi có liên quan trong quá trình thi hành án có các quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 7b Luật Thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Toà án ND tỉnh Hà Giang;
 - VKSND huyện Q;
 - CCTHADS huyện Q;
 - UBND xã T, huyện Q
- (nơi đã thực hiện việc đăng ký kết hôn);
- Các đương sự;
 - Lưu hồ sơ, VP, AV.

THẨM PHÁN

Nguyễn Thị Hải Phương